

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về quy trình thẩm tra thiết kế xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26-11-2003;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03-12-2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26-11-2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 07-02-2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06-02-2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15-8-2013 của Bộ Xây dựng về việc Quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quy trình thẩm tra thiết kế xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Giao Sở Xây dựng theo chức năng và nhiệm vụ, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các sở, ban, ngành, các chủ đầu tư trong quá trình thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các Chủ đầu tư, các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH;
- Chánh, các Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNXD (Đ.80).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Quang

QUY ĐỊNH

Về quy trình thẩm tra thiết kế xây dựng của cơ quan chuyên môn
về xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình
(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /2014/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật đối với công trình thực hiện thiết kế ba bước, thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình thực hiện thiết kế một bước hoặc hai bước và các thiết kế khác triển khai ngay sau thiết kế cơ sở được quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định 15/2013/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng; chủ đầu tư xây dựng công trình; các tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công thực hiện thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (sau đây gọi tắt là cơ quan chuyên môn về xây dựng), bao gồm các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Các tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra thiết kế, bao gồm: Cơ quan chuyên môn về xây dựng, các tổ chức và cá nhân có đủ điều kiện năng lực thẩm tra thiết kế theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hình thức thẩm tra thiết kế xây dựng công trình

Các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Nghị định 15/2013/NĐ-CP chủ đầu tư phải trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm tra thiết kế kỹ thuật đối với công trình thực hiện thiết kế ba bước, thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình thực hiện thiết kế một bước hoặc hai bước và các thiết kế khác triển khai ngay sau thiết kế cơ sở theo quy định tại Điều 4, Điều 5 của quy định này trước khi thực hiện việc phê duyệt thiết kế.

Điều 4. Thẩm quyền thẩm tra thiết kế xây dựng công trình của các cơ quan chuyên môn về xây dựng

Cơ quan chuyên môn về xây dựng sau đây trực tiếp nhận hồ sơ thẩm tra, tổ chức thẩm tra thiết kế hoặc chỉ định đơn vị thẩm tra thiết kế, tiếp nhận báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế do tổ chức, cá nhân tư vấn thẩm tra thực hiện.

1. Sở Xây dựng thẩm tra:

a) Các loại nhà máy xi măng cấp II, cấp III;

b) Các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm e Khoản 1 Điều 21 của Nghị định 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD.

2. Sở Giao thông Vận tải thẩm tra: Các loại công trình quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 21 của Nghị định 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm tra: Các loại công trình quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 21 của Nghị định 15/2013/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD.

4. Sở Công Thương thẩm tra: Các loại công trình quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 21 của Nghị định 15/2013/NĐ-CP, trừ công trình nhà máy xi măng và các công trình quy định tại Khoản 4, Điều 5 Thông tư số 13/2013/TT-BXD.

5. Trường hợp trong một dự án đầu tư xây dựng công trình có nhiều công trình xây dựng có loại và cấp khác nhau thì cơ quan chuyên môn về xây dựng chủ trì tổ chức thẩm tra thiết kế xây dựng các công trình của dự án là cơ quan thực hiện thẩm tra thiết kế đối với loại công trình xây dựng chính của dự án.

6. Đối với các công trình có quy mô lớn (có nhu cầu chia ra nhiều giai đoạn thiết kế - thi công), có yếu tố công nghệ mới, có yếu tố kỹ thuật phức tạp hoặc khi chủ đầu tư có yêu cầu thì báo cáo cơ quan chuyên môn về xây dựng để tổ chức thẩm tra từng hạng mục công trình trong quá trình thiết kế.

Điều 5. Nội dung thẩm tra thiết kế xây dựng công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Nội dung thẩm tra thiết kế xây dựng công trình đối với công trình không sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế so với yêu cầu của hợp đồng và quy định của pháp luật; Kiểm tra điều kiện năng lực của tổ chức khảo sát, thiết kế; kiểm tra điều kiện năng lực của chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế.

b) Sự phù hợp của thiết kế với các quy chuẩn kỹ thuật, các tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho công trình;

c) Mức độ đảm bảo an toàn chịu lực của các kết cấu chịu lực của công trình và các yêu cầu về an toàn khác, bao gồm: Sự phù hợp của giải pháp thiết kế nền - móng với đặc điểm địa chất công trình, kết cấu công trình và an toàn đối với các

công trình lân cận; sự phù hợp của giải pháp kết cấu với thiết kế công trình, với kết quả khảo sát xây dựng và với công năng của công trình.

2. Nội dung thẩm tra thiết kế đối với công trình sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn ngân sách nhà nước, công trình sử dụng vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, công trình đầu tư bằng vốn xây dựng cơ bản tập trung, công trình được đầu tư theo hình thức: Xây dựng - chuyển giao (BT), xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp tác công - tư (PPP) và những công trình đầu tư bằng những nguồn vốn hỗn hợp khác:

a) Bao gồm nội dung quy định tại các Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 1 của Điều này;

b) Sự phù hợp của thiết kế so với thiết kế cơ sở hoặc nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt (trong trường hợp thiết kế một bước);

c) Sự hợp lý của thiết kế để đảm bảo tiết kiệm chi phí trong xây dựng công trình; Kiểm tra việc áp dụng đơn giá, định mức của dự toán; đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng.

3. Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện chỉ định tổ chức tư vấn, cá nhân thẩm tra thiết kế theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP thì thực hiện như sau:

a) Đối với công trình quy định tại Khoản 1 của Điều này:

Trong thời gian 5 ngày làm việc, cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo bằng văn bản và chuyển trả hồ sơ trình thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn các tổ chức có chức năng tư vấn thẩm tra thiết kế đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và có đủ điều kiện năng lực thẩm tra thiết kế phù hợp với loại và cấp công trình theo quy định của pháp luật để ký hợp đồng tư vấn thẩm tra. Trong các nội dung chủ đầu tư hợp đồng tư vấn thẩm tra, phải có đủ các nội dung thẩm tra theo quy định tại Khoản 1 Điều này. Chủ đầu tư báo cáo kết quả thẩm tra với cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để quản lý.

b) Đối với công trình quy định tại Khoản 2 của Điều này:

Trong thời gian 5 ngày làm việc, cơ quan chuyên môn về xây dựng lựa chọn tổ chức có chức năng tư vấn thẩm tra thiết kế đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và có đủ điều kiện năng lực thẩm tra thiết kế phù hợp với loại và cấp công trình theo quy định của pháp luật để chỉ định thẩm tra một phần hoặc toàn bộ các nội dung thẩm tra quy định tại Khoản 1, Khoản 2 điều này và thông báo bằng văn bản đến chủ đầu tư và tổ chức tư vấn để ký hợp đồng tư vấn thẩm tra. Chủ đầu tư báo cáo kết quả thẩm tra với cơ quan chuyên môn về xây dựng để tổng hợp.

4. Cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc tổ chức tư vấn nào trực tiếp thẩm tra thiết kế thì cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm tổng hợp, lập thông báo kết quả thẩm tra thiết kế theo quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư số 13/2013/TT-BXD và đóng dấu vào các bản vẽ thiết kế đã được thẩm tra. Mẫu dấu thẩm tra được thiết kế theo quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư số 13/2013/TT-BXD.

Trong kết quả thẩm tra cần nêu rõ những nội dung chưa đạt yêu cầu cần phải sửa đổi để trình thẩm tra lại (nếu có) trước khi cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc tổ chức tư vấn thẩm tra đóng dấu thẩm tra vào hồ sơ để lưu trữ.

Cơ quan chuyên môn về xây dựng có thông báo về kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn bằng văn bản theo quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư số 13/2013/TT-BXD để chủ đầu tư thực hiện các bước tiếp theo.

Chủ đầu tư xây dựng công trình và nhà thầu thiết kế xây dựng công trình có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ thiết kế xây dựng công trình theo kết quả thẩm tra và ý kiến của cơ quan chuyên môn về xây dựng trước khi quyết định phê duyệt thiết kế.

5. Các bản vẽ thiết kế, dự toán đã được thẩm tra, đóng dấu được giao lại cho chủ đầu tư và chủ đầu tư có trách nhiệm lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

6. Trường hợp cần thiết thì người phê duyệt thiết kế đề xuất với cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm tra thêm các nội dung khác ngoài các nội dung cần thẩm tra đã quy định tại Khoản 1, Khoản 2 của Điều này.

Điều 6. Thẩm tra thiết kế khi sửa chữa, cải tạo công trình và thay đổi thiết kế xây dựng công trình

1. Thẩm tra lại khi thay đổi thiết kế xây dựng công trình

Thiết kế xây dựng công trình khi điều chỉnh thiết kế do thay đổi về: Địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu chính của kết cấu chịu lực chính, biện pháp tổ chức thi công làm ảnh hưởng tới an toàn chịu lực của công trình thì phải tổ chức thẩm tra lại thiết kế hạng mục thay đổi hoặc toàn bộ công trình (nếu thay đổi làm ảnh hưởng đến an toàn công trình) theo Thông tư số 13/2013/TT-BXD và quy định này.

2. Đối với các công trình sửa chữa, cải tạo nếu phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng và có các nội dung thay đổi nêu tại Khoản 1 của Điều này thì phải thực hiện theo quy định của Thông tư số 13/2013/TT-BXD.

Điều 7. Hồ sơ trình thẩm tra thiết kế xây dựng công trình

Hồ sơ thẩm tra thiết kế bao gồm:

1. Đối với công trình quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 13/2013/TT-BXD có sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Tờ trình thẩm tra thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại Phụ lục số 1 của Thông tư số 13/2013/TT-BXD;

b) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng công trình (bản chính hoặc bản sao có dấu của chủ đầu tư); hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng hoặc nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt và các văn bản thỏa thuận đấu

nổi về điện, nước, viễn thông đối với trường hợp thiết kế một bước; văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có);

c) Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về các nội dung đã được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều 20 Nghị định 15/2013/NĐ-CP; điều kiện năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng; kinh nghiệm của chủ nhiệm thiết kế, khảo sát và các chủ trì thiết kế kèm theo có xác nhận ký và đóng dấu của chủ đầu tư;

d) Các hồ sơ khảo sát xây dựng có liên quan đến các bản vẽ và thuyết minh thiết kế theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu của chủ đầu tư);

đ) Các bản vẽ và thuyết minh thiết kế theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này (bản chính);

e) Dự toán xây dựng công trình (bản chính).

2. Đối với công trình được quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 13/2013/TT-BXD không sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

Bao gồm các nội dung quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Điểm d và Điểm đ Khoản 1 tại Điều này.

3. Phần thuyết minh thiết kế (bản chính):

a) Căn cứ để lập thiết kế:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình đã được phê duyệt hoặc văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình; nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt đối với trường hợp thiết kế một bước và danh mục các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng;

- Tài liệu về điều kiện tự nhiên, khảo sát xây dựng phục vụ cho thiết kế;

- Hồ sơ đánh giá hiện trạng chất lượng công trình (đối với công trình sửa chữa, cải tạo).

b) Thuyết minh thiết kế xây dựng:

- Giải pháp thiết kế kèm theo các số liệu kết quả tính toán dùng để thiết kế: Biện pháp gia cố hoặc xử lý nền - móng, thiết kế kết cấu chịu lực chính của công trình, an toàn phòng chống cháy nổ và thoát hiểm, hệ thống kỹ thuật công trình, công trình hạ tầng kỹ thuật, ...;

- Chỉ dẫn kỹ thuật xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II.

4. Phần bản vẽ (bản chính):

a) Mặt bằng hiện trạng và vị trí hướng tuyến công trình trên quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt;

b) Tổng mặt bằng (xác định vị trí xây dựng, diện tích xây dựng, chỉ giới xây dựng, cao độ xây dựng, ...);

c) Thiết kế công trình: Các mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt của các hạng mục và toàn bộ công trình; các bản vẽ thiết kế công nghệ, thiết kế biện pháp thi công có liên quan đến thiết kế xây dựng;

d) Gia cố hoặc xử lý nền – móng, kết cấu chịu lực chính, hệ thống kỹ thuật công trình, công trình hạ tầng kỹ thuật, ...;

đ) Thiết kế chi tiết các liên kết chính, liên kết quan trọng của kết cấu chịu lực chính và các cấu tạo bắt buộc (cấu tạo để an toàn khi sử dụng - vận hành - khai thác, cấu tạo để kháng chấn, cấu tạo để chống ăn mòn, xâm thực);

e) Thiết kế phòng chống cháy nổ, thoát hiểm đã được cơ quan cảnh sát phòng cháy chữa cháy thẩm duyệt (nếu có).

Yêu cầu về nội dung của bản vẽ thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công theo quy định tại Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

5. Đối với công trình được quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 13/2013/TT-BXD (trừ trường hợp thực hiện chỉ định tổ chức tư vấn, cá nhân thực hiện thẩm tra thiết kế theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 13/2013/TT-BXD), chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến cơ quan chuyên môn về xây dựng được quy định tại Điều 4 của quy định này để thẩm tra trước khi phê duyệt thiết kế xây dựng công trình.

Điều 8. Thời gian, chi phí và phí thẩm tra thiết kế xây dựng

1. Thời gian thẩm tra thiết kế xây dựng:

a) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ trình thẩm tra thiết kế, cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và có văn bản thông báo một lần đến chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không đúng quy định).

b) Thời gian bắt đầu thẩm tra thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng được tính từ ngày cơ quan này nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

c) Thời gian thẩm tra không quá 30 ngày làm việc.

d) Đối với công trình thiết kế một bước và nhà ở riêng lẻ: Thời gian thẩm tra không quá 20 ngày làm việc.

e) Tùy theo khối lượng công việc thẩm tra lại, thời gian thẩm tra lại nội dung đã được quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 13/2013/TT-BXD do cơ quan chuyên môn về xây dựng quyết định nhưng không được vượt quá thời gian quy định tại Khoản này.

2. Phí thẩm tra thiết kế xây dựng:

a) Mức phí thẩm tra thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính. Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn cụ thể về mức phí thẩm tra thiết kế xây dựng trên địa bàn toàn tỉnh.

b) Chủ đầu tư nộp phí thẩm tra thiết kế cho cơ quan chuyên môn về xây dựng trước khi nhận kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng công trình.

3. Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng:

Tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra các nội dung được quy định tại Thông tư số 13/2013/TT-BXD thì chủ đầu tư căn cứ khối lượng thẩm tra để thanh toán chi phí theo quy định của Bộ Xây dựng.

4. Phí thẩm tra và chi phí thẩm tra được tính trong tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình.

Việc quản lý, sử dụng phí, chi phí thẩm tra được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9. Trách nhiệm của các tổ chức cá nhân trong công tác thẩm tra thiết kế xây dựng công trình.

1. Đối với các công trình nêu tại Điều 4 của Quy định này.

a) Chủ đầu tư tham khảo thông báo giá vật liệu xây dựng hàng tháng của Sở Xây dựng và xác định giá vật liệu thực tế tại nơi xây dựng công trình để tiến hành lập, phê duyệt bảng đơn giá vật liệu cho từng công trình và chịu trách nhiệm về giá tại bảng đơn giá này.

b) Các tổ chức, cá nhân được chủ đầu tư thuê thiết kế, lập dự toán chịu trách nhiệm về khối lượng giữa dự toán và bản vẽ thiết kế công trình.

c) Các tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra thiết kế chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra do mình thực hiện.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm đáp ứng kịp thời yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng khi cần xem xét hồ sơ đang lưu trữ nêu tại Điều 5. Quy định này. Chủ đầu tư nộp file bản vẽ và dự toán hoặc file bản chụp (đã chỉnh sửa theo kết quả thẩm tra) về cơ quan chuyên môn về xây dựng để quản lý.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các tổ chức, cá nhân gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Quang